

Bản án số: **23/2018/DS-PT**
Ngày 06-3-2018
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Mừng

Các Thẩm phán: Ông Bùi Hữu Nhân

Bà Vũ Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tỏ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2017/TLDS-PT ngày 25 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 41/2017/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2018/QĐ-PT ngày 15 tháng 01 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2018/QĐ-PT ngày 29/01/2018; Thông báo mở phiên tòa số 82/TB-PT ngày 08/02/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Vũ T X, sinh năm 1950, bà Đặng Thị K T, sinh năm 1944. Cùng cư trú tại: Thôn N H, xã N G, huyện Đ T, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Ông Đỗ T N, sinh năm 1970, bà Huỳnh T H, sinh năm 1975. Cùng cư trú tại: Tổ 45, thôn H H, xã N G, huyện Đ T, tỉnh Lâm Đồng

Người kháng cáo: Bị đơn bà Huỳnh T H.

(Bà T, ông N có mặt tại phiên tòa; bà H có đơn xin xét xử vắng mặt; ông X có đơn ủy quyền cho Bà T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2017 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn Ông Vũ T X, bà Đặng Thị K T trình bày:

Ngày 30/12/2014 ông, bà có ký hợp đồng góp vốn để đầu tư sản xuất nông nghiệp với vợ chồng Ông Đỗ T N, bà Huỳnh T H, số tiền góp vốn là 367.200.000đ, ông N đã nhận đủ số tiền trên. Trong hợp đồng góp vốn hai bên thỏa thuận lấy tiền lãi theo quý với lãi suất 2,5%/tháng; thời hạn góp vốn 01 năm tính từ ngày 30/12/2014 đến ngày 30/12/2015. Trên thực tế ông, bà chỉ cho ông N, bà H vay số tiền 367.200.000đ để lấy tiền lãi. Đến hạn trả nợ là ngày 30/12/2015, vợ chồng ông N, bà H không trả cho ông số tiền gốc và lãi trên, mặc dù ông, bà đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông N, bà H chỉ trả được 2.000.000đ. Nay ông, bà khởi kiện yêu cầu Ông Đỗ T N, bà Huỳnh T H trả cho vợ chồng ông, bà số tiền nợ gốc 365.200.000đ và tiền lãi phát sinh từ 30/12/2014 cho đến nay với lãi suất là 1,6%/ tháng.

Bị đơn Ông Đỗ T N trình bày:

Vợ chồng ông, bà có ký hợp đồng góp vốn để đầu tư sản xuất nông nghiệp với Ông Vũ T X, bà Đặng Thị K T vào ngày 31/12/2014 là đúng. Ông có nhận của ông X, Bà T số tiền 367.200.000đ, tuy nhiên hợp đồng góp vốn chỉ là hình thức còn trên thực tế thì vợ chồng ông, bà có vay số tiền trên của ông X, Bà T để làm ăn. Nhưng vì làm ăn kinh tế khó khăn nên đến hạn trả nợ, vợ chồng ông, bà chỉ trả được 2.000.000đ nợ gốc, số tiền còn lại chưa trả được. Nay ông X, Bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông, bà trả số tiền trên và lãi suất thì ông đồng ý trả cho Ông Vũ T X, bà Đặng Thị K T số nợ gốc 365.200.000đ và tiền lãi suất phát sinh từ 30/12/2014 cho đến nay với lãi suất là 1,6%/ tháng.

Tòa án đã hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án sơ thẩm số 41/2017/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ T đã xử :

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Vũ T X, bà Đặng Thị K T về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Buộc Ông Đỗ T N, bà Huỳnh T H có nghĩa vụ thanh toán cho Ông Vũ T X, bà Đặng Thị K T số tiền 555.104.000đ, trong đó nợ gốc là 365.200.000đ, lãi phát sinh 189.904.000đ.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 28/9/2017 bị đơn bà Huỳnh T H kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2017/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ T.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn và đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh T H. Căn cứ khoản 2, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm về phần lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Ngày 30/12/2014 nguyên đơn Ông Vũ T X và bà Đặng Thị K T có cho bị đơn Ông Đỗ T N, bà Huỳnh T H vay số tiền 367.200.000đ, thời hạn vay 01 năm (các bên đương sự đều thừa nhận trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án). Đến hạn, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng phía bị đơn mới trả được 2.000.000đ nên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” là đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh T H, đối chiếu với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được cấp sơ thẩm thu thập và lời khai của các đương sự thể hiện:

Theo đơn kháng cáo của bà Huỳnh T H thì số tiền thực tế bị đơn vay của nguyên đơn chỉ là 170.000.000đ, tính đến ngày 30/12/2014 thì số tiền gốc và lãi là 365.000.000đ và hai bên thỏa thuận kể từ ngày 30/12/2014 sẽ không tính lãi nữa. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay phía ông N bà H không đưa ra được tài liệu chứng cứ để chứng minh còn phía nguyên đơn thì không thừa nhận. Thực tế tại thời điểm ngày 30/12/2014 thì hai bên đương sự đã chốt số tiền vay là 367.200.000đ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ông N (chồng bà H) đều thừa nhận có vay của ông X, Bà T số tiền 367.200.000đ, mới trả được 2.000.000đ, nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả số tiền 365.200.000đ và lãi suất 1,6% thì ông N đồng ý (bút lục 55). Do vậy, Tòa án sơ thẩm buộc bị đơn ông N, bà H có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông X, Bà T số tiền 365.200.000đ gốc là có căn cứ. Riêng về lãi suất vay, quá trình giải quyết vụ án ông N (chồng bà H) đồng ý trả 1,6%/tháng còn bà H thì không đồng ý nên lãi suất được tính là 0,75%/tháng theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005. Tại thời điểm xét xử phúc thẩm, tính từ ngày 30/12/2014 đến ngày 06/3/2018 thì thời gian 3 năm, 02 tháng, 06 ngày, lãi suất là: 365.200.000đ x 0,75%/tháng x 1146 ngày = 104.629.800đ.

Từ những phân tích trên, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh T H, sửa bản án sơ thẩm.

[3] *Về án phí*: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên bà Huỳnh T H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Về án phí dân sự sơ thẩm được điều chỉnh theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh T H: Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2017/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ T về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” giữa nguyên đơn Ông Vũ T X, bà Đặng Thị K T với bị đơn Ông Đỗ T N, bà Huỳnh T H. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Vũ T X, bà Đặng Thị K T: Buộc Ông Đỗ T N, bà Huỳnh T H có nghĩa vụ thanh toán cho Ông Vũ T X, bà Đặng Thị K T số tiền 469.829.800đ (bốn trăm sáu mươi chín triệu, tám trăm hai mươi chín ngàn tám trăm đồng), trong đó nợ gốc là 365.200.000đ, lãi phát sinh 104.629.800đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi theo quy định Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Buộc Ông Đỗ T N, bà Huỳnh T H phải chịu 22.793.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ bà Huỳnh T H đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0006901 ngày 06/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ T. Ông Đỗ T N, bà Huỳnh T H còn phải nộp 22.493.000đ (Hai mươi hai triệu, bốn trăm chín mươi ba ngàn đồng).

Hoàn trả cho Ông Vũ T X, bà Đặng Thị K T số tiền 9.350.000đ (Chín triệu, ba trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2015/0006407 ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện Đ T;
- CCTHADS huyện Đ T;
- Phòng KTNV & THA;
- Các đương sự ;
- Lưu AV – HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Đã ký

Nguyễn Hữu Mừng